

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-12-2021

V/v tranh chấp xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị V, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 6B M, thôn 3, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 6B M, thôn 3, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 4 phân trại số 4 Trại giam số 6 - Cục C10 - Bộ Công an; địa chỉ: Xã U, huyện V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị V trình bày: Chị V kết hôn với anh

H vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh được 02 con chung tên H sinh năm 2009 và T sinh năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị V và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Năm 2019 chị V có quan hệ tình cảm và đã có thai với anh Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 6B M, thôn 3, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 04 tháng 5 năm 2020 chị V sinh được 01 con tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng theo Giấy chứng sinh số 04620, quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020. Ngày 03 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mới giải quyết cho chị V và anh H được ly hôn theo bản án số 133/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020. Ngày 21 tháng 9 năm 2020 chị V và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị V có thai và sinh con với anh Đ trong thời kỳ hôn nhân với anh H. Ngày 08 tháng 7 năm 2021 anh Đ đề nghị Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền xét nghiệm gen (ADN) của anh Đ và gen (ADN) của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 dự định đặt tên là Nguyễn Cẩm Tú, phiếu kết quả phân tích ADN ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền kết luận anh Đ và con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 có quan hệ huyết thống cha con. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 6B M, thôn 3, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620, quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 8 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đ trình bày: Năm 2019 anh có quan hệ tình cảm với chị V, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng và chị V đã có thai. Ngày 04 tháng 5 năm 2020 chị V sinh được 01 con tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng theo Giấy chứng sinh số 04620, quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020 nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị V có thai và sinh con với anh Đ trong thời kỳ hôn nhân với anh H. Ngày 03 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mới giải quyết cho chị V và anh H được ly hôn theo bản án số 133/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020. Ngày 21 tháng 9 năm 2020 chị V và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 08 tháng 7 năm 2021 anh Đ đề nghị Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền xét nghiệm gen (ADN) của anh Đ và gen (ADN) của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 dự định đặt tên là Nguyễn Cẩm Tú, phiếu kết quả phân tích ADN ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền kết luận anh Đ và con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 có quan hệ huyết thống cha con. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh

số 04620, quyền số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 9 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H trình bày: Anh H kết hôn với chị V vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh được 02 con chung tên H sinh ngày 09 tháng 12 năm 2009 và T sinh ngày 11 tháng 10 năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến tháng 9 năm 2016 anh H bị bắt và phải đi chấp hành án phạt tù. Ngày 03 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã giải quyết cho anh H và chị V được ly hôn theo bản án số 133/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620, quyền số 47/2020 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, anh H khẳng định con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 không phải là con chung của anh H và chị V, anh H muốn được trực tiếp có mặt để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là chị V, bị đơn là anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị V, xác định anh Đ là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620, quyền số 47/2020 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H vắng mặt tại phiên tòa vì lý do đang chấp hành án phạt tù tại đội 4 phân trại số 4 Trại giam số 6 - Cục C10 - Bộ Công an. Vì vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn là chị V: Nguyên đơn là chị V yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 6B M, thôn 3, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620, quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020; bị đơn là anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H khẳng định con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 không phải là con chung của anh H và chị V nhưng anh H muốn trực tiếp có mặt để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị V. Xét chị V kết hôn với anh H vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng và sinh được 02 con chung tên H sinh năm 2009 và T sinh năm 2012. Ngày 04 tháng 5 năm 2020 chị V sinh được 01 con tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng theo Giấy chứng sinh số 04620, quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020. Ngày 03 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng mới giải quyết cho chị V và anh H được ly hôn theo bản án số 133/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020. Như vậy chị V có thai và sinh con ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620 quyển số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020 trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh H nhưng anh H khẳng định con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 không phải là con chung của anh H và chị V, còn chị V và anh Đ thống nhất khẳng định anh Đ là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620 quyển số 47/2020 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng phù hợp với kết quả phân tích ADN ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền kết luận anh Đ và con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 có quan hệ huyết thống cha con. Do đó việc anh H vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị V, xác định anh Đ là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620 quyển số 47/2020 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị V, xác định anh Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị V sinh ra ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 04620, quyền số 47/2020 do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 5 năm 2020.

2. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

